

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày: 17-3-2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Toàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 19-02-2021 đối với:

** Bị cáo:*

1. **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm: 2001, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 2002, ĐKTT: ấp H, xã L 2, huyện P, tỉnh Tiền Giang, bị cáo có 01 con chung với Nguyễn Thị Kim P (chưa đặt tên và khai sinh); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19-11-2020 cho đến ngày 03-02-2021. Sau đó, bị cáo H được bảo lãnh tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Nguyễn Thị Kim P**, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2002, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp H, xã L 2, huyện P, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P và bà Nguyễn Thị Thanh L; bị cáo chung sống

như vợ chồng với Nguyễn Thế V, sinh năm: 1996, có 01 con chung Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 2017; hiện bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2001 và có 01 con chung sinh được 20 ngày tuổi (chưa đặt tên và khai sinh); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

- Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 139/16/9 đường L, phường Đ, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Cẩm T: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 139/16/9 đường L, phường Đ, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 22-10-2020).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Cao Thị N, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp A, xã L 1, huyện P, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp A, xã L 1, huyện P, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/9/2020, Nguyễn Hoàng H điều khiển xe mô tô 2 bánh BKS: 61F4 – 2149 chở Nguyễn Thị Kim P đến khu nhà trọ “Ba Tư” thuộc ấp A, xã L 1, huyện P, tỉnh Tiền Giang do Trần Xuân H1, sinh năm 1960, ĐKTT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Tiền Giang làm chủ để tìm bạn, nhưng không gặp. Trong lúc dẫn xe ra về, khi đi ngang phòng trọ C1 do anh Lê Hoàng N, sinh năm 1991, ĐKTT: 139/16/9 đường L, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và vợ là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990, ĐKTT: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre thuê trọ, H phát hiện phòng khóa cửa ngoài không người trông coi,

nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. H lấy đoạn sắt trong cốp xe và cạy ổ khóa phòng C1, rồi cùng P vào trong, H lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus giấu trong túi; còn P lấy một cái ví da nam. Sau khi lấy được tài sản, H điều khiển xe nêu trên chở P rời khỏi hiện trường. Trên đường đi, P kiểm tra ví vừa trộm được thì phát hiện trong ví có số tiền 800.000 đồng, 01 giấy cầm vàng tại tiệm vàng “Kim Tài” và một số giấy tờ tùy thân. P kêu H chở đến tiệm vàng “Kim Tài” do bà Cao Thị N, sinh năm 1973, ĐKTT: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang làm chủ. Tại đây, P trực tiếp thỏa thuận với bà N để bán hết số vàng đã cầm được số tiền 4.600.000 đồng (sau khi đã trừ số tiền đã cầm trước đó).

Đến ngày 12/9/2020, H mang điện thoại di động hiệu Oppo F9 đã trộm đến cửa hàng điện thoại “Thành Phát” do Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991, ĐKTT: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang làm chủ để mở khóa mật khẩu của điện thoại và hẹn lại 2 ngày sau lấy. H lấy sim của điện thoại này lắp vào điện thoại của H đang sử dụng thì nhận được tin nhắn Zalo với nội dung: “cho anh N xin lại tất cả giấy tờ tùy thân”. Đến 16 giờ cùng ngày, H nhờ Lương Văn C, sinh năm 1990, ĐKTT: ấp A, xã L 1, huyện P, tỉnh Tiền Giang mang tất cả giấy tờ tùy thân cùng điện thoại hiệu Iphone 6Plus đã lấy trộm trả cho anh N.

Đến ngày 14/9/2020, do cần tiền tiêu xài, H đến cửa hàng “Thành Phát” để cầm điện thoại Oppo F9 được số tiền 1.000.000 đồng. Tất cả số tiền do lấy trộm, bán vàng và cầm điện thoại có được H và P đã tiêu xài hết, còn lại 400.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi của mình và đã giao nộp số tiền 400.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Người bị hại là anh Lê Hoàng N và chị Nguyễn Thị Cẩm T khai nhận có bị mất tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus, số tiền mặt là 800.000 đồng và số vàng mà các bị cáo đã thỏa thuận bán ở tiệm cầm đồ. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng giá trị tài sản bị mất là 13.000.000 đồng, gia đình bị cáo H đã bồi thường xong nên bị hại không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh H2 khai nhận: xe mô tô 2 bánh, BKS: 61F4 – 2149 màu đen, không có mặt nạ trước, đồng hồ Km, kính chiếu hậu và bửng; có số máy: 220002329, số khung: 152329. Xe này do ông mua lại của Nguyễn Tấn T1, địa chỉ 50C T, A, A, tỉnh Bình Dương, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông không biết việc bị cáo H lấy

xe BKS: 61F4 – 2149 để đi trộm tài sản. Cơ quan điều tra đã trao trả xe 61F4 – 2149 cho ông, ông không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B khai nhận: Bị cáo H là con ruột của bà, số tiền bà bồi thường cho bị hại 13.000.000 đồng là tiền của bà cho bị cáo Huy để bồi thường cho bị hại, bà không yêu cầu bị cáo H trả số tiền trên lại cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị N khai nhận: Bà nhận mua vàng từ các bị cáo nhưng bà không biết tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T khai nhận: Anh nhận cầm điện thoại di động từ các bị cáo nhưng anh không biết tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh Đ và Lương Văn C nhận giữ, trả điện thoại và giấy tờ tùy thân dùm cho bị cáo H, nhưng không biết gì về hành vi phạm tội của bị cáo H, nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-TP ngày 21-01-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Kim P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, điểm b, i và s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo P khi phạm tội đang mang thai, nên được áp dụng Điều 65, điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H từ 09 đến 12 tháng tù giam; bị cáo Nguyễn Thị Kim P từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong. Riêng đối với số tiền 400.000 đồng các bị cáo có được từ việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ.

Về dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H trình bày: Bị cáo hối hận về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo vừa sinh và đang nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị hại anh N có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N, anh T vắng mặt. Xét việc anh N, chị N, anh T có lời khai tại hồ sơ và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Phát hiện phòng trọ của bị hại là anh N và chị T khóa cửa ngoài không người trông coi, các bị cáo đã nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Bị cáo H lấy đoạn sắt trong cốp xe và cạy ổ khóa phòng C1, rồi cùng Phụng vào trong, lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus giấu trong túi; còn Phụng lấy một cái ví da nam có số tiền mặt trong ví 800.000 đồng, 01 giấy cầm vàng tại tiệm vàng “Kim Tài” và một số giấy tờ tùy thân, bị cáo Phụng trực tiếp thỏa thuận với bà Nhanh để bán hết số vàng đã cầm được số tiền 4.600.000 đồng. Sau đó, các bị cáo có trả lại cho bị hại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Huy đến cửa hàng “Thành Phát” để cầm điện thoại Oppo

F9 được số tiền 1.000.000 đồng. Tất cả số tiền do lấy trộm, bán vàng và cầm điện thoại có được H và P đã tiêu xài hết, còn lại 400.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Kim P phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Nhằm mục đích muốn có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân, ý thức lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ các bị cáo H, P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H, bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo H, P có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo P khi phạm tội đang mang thai, hiện đã sinh con nhỏ 1 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người có vai trò chính trong vụ án, bị cáo P với vai trò đồng phạm. Do đó, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H với mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo H với xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình xã hội, đồng thời giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo P, với vai trò và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 400.000 đồng các bị cáo có được từ việc phạm tội. Do đó, cần tịch thu sung quỹ.

Các vật chứng khác quá trình điều tra đã trả lại cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Kim P phạm Tội trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Nhưng được trừ vào thời gian bắt tạm giam từ ngày 19/11/2020 đến ngày 03/02/2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim P 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L2, huyện P, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Kim P thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách được thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Nguyễn Thị Kim P được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng các bị cáo có được từ việc phạm tội.

4. Về án phí:

- Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo H, P mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo H, P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1, bà B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh N, chị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Cơ quan điều tra CAH Tân Phước;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Lập 2;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn